

Số: /KH-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Trên cơ sở đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 23/TTr-STTTT ngày 20/4/2022; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện kịp thời, thống nhất, có hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; tăng cường chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trong thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

Xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU. Gắn nhiệm vụ triển khai Nghị quyết số 05-NQ/TU với quá trình thực hiện hiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ngành, lĩnh vực.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đổi mới căn bản và toàn diện công tác chỉ đạo điều hành, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, góp phần nâng cao chất lượng đời sống xã hội và sự hài lòng của người dân. Đến năm 2030, thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh; tiếp tục phấn đấu nâng thứ hạng của Tỉnh trên Bảng xếp hạng đánh giá chuyển đổi số (DTI) hàng năm.

2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

2.1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Mỗi đơn vị cấp huyện xây dựng ít nhất 20% đơn vị hành chính cấp xã chuyển đổi số.

- Xây dựng 3 đô thị thông minh, gồm: thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Phần đầu kinh tế số chiếm 10% GRDP; tối thiểu 50% sản phẩm hàng hóa và dịch vụ được chứng nhận thương hiệu có mặt trên các sàn thương mại điện tử; 50% các doanh nghiệp nhỏ và vừa (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh) thực hiện chuyển đổi số. Hình thành 100 doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%.

- Hình thành Khu Công viên phần mềm Quang Trung – Bình Định và tham gia vào Chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung trong năm 2022.

- Thu hút khoảng 2.000 chuyên gia, lao động làm việc tại Công viên phần mềm Quang Trung – Bình Định và Trung tâm trí tuệ nhân tạo – Đô thị phụ trợ Long Vân.

2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G và điện thoại thông minh, từng bước phát triển mạng 5G (ưu tiên phủ sóng tại các khu, cụm công nghiệp, khu vực trung tâm huyện thị xã, thành phố, khu du lịch, bệnh viện, trường học).

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%.

- 100% đoàn viên, thanh niên gương mẫu sử dụng các dịch vụ xã hội số (y tế, giáo dục, an sinh xã hội, thanh toán điện tử, phản ánh hiện trường...); tích cực tham gia tuyên truyền, hỗ trợ, đảm bảo tối thiểu 50% người dân được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chính quyền số, xã hội số, tham gia phát triển kinh tế số.

3. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

3.1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Mỗi đơn vị cấp huyện xây dựng ít nhất 40% đơn vị hành chính cấp xã chuyển đổi số.

3.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Kinh tế số chiếm 15% đến 20% GRDP. Tối thiểu 80% sản phẩm hàng hóa và dịch vụ được chứng nhận thương hiệu có mặt trên các sàn thương mại điện tử; tối thiểu 80% các doanh nghiệp nhỏ và vừa (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh) thực hiện chuyển đổi số. Hình thành 300 doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%.

- Xây dựng Quy Nhơn thành Trung tâm trí tuệ nhân tạo của Việt Nam.

3.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang;

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G;

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

1.1. Đổi mới tư duy, nhận thức về chuyển đổi số

- Người đứng đầu tại các sở, ngành, địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các

cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số.

- Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành.

- Người đứng đầu tại các Sở, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp cam kết đổi mới, cho phép thử nghiệm cái mới, ứng dụng công nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững, liên kết các thành phần khác nhau theo mô hình kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động lựa chọn một xã/phường để triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

1.2. Hoàn chỉnh cơ chế, chính sách

- Các sở, ngành, địa phương rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, Internet và không gian mạng; Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ thông tin và truyền thông để bảo đảm đầu tư của Nhà nước và huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, xã hội để chuyển đổi số theo hướng khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho chuyển đổi số.

- Nghiên cứu, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số trên địa bàn tỉnh.

1.3. Phát triển hạ tầng số

a) Hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin

- Các doanh nghiệp viễn thông xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn tỉnh; ưu tiên phát triển tại các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện.

- Giai đoạn đến năm 2025: Chuyển đổi toàn bộ mạng Internet của tỉnh Bình Định sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

- Phát triển mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh thống nhất, đồng bộ trên địa bàn tỉnh phục vụ chuyển đổi số và phát triển đô thị thông minh.

- Khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông thí điểm và nhân rộng việc xây dựng, phát triển mạng 5G tại các thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

b) Hạ tầng Internet vạn vật (IoT)

Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu như giao thông, đô thị, môi trường, an ninh trật tự khi xây dựng phải có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số.

c) Hạ tầng dữ liệu

Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung trên cơ sở vừa cung cấp dữ liệu phục vụ công tác điều hành, quản lý và khai thác trực tiếp để xây dựng các ứng dụng mới. Hạ tầng dữ liệu phải đảm bảo nhu cầu cung cấp và khai thác thông tin từ hệ thống đô thị thông minh và từ các hệ thống từ bên ngoài (tổ chức, doanh nghiệp bên ngoài).

1.4. Phát triển nền tảng số

- Triển khai có hiệu quả các nền tảng số dùng chung do các bộ, ngành phát triển như: nền tảng định danh và xác thực điện tử quốc gia, nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử, nền tảng thanh toán điện tử...

- Tiếp tục phát triển mở rộng và hoàn thiện nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh.

1.5. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng

- Triển khai hệ thống xác định, phát hiện thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng và kịp thời xử lý, gỡ bỏ.

- Nghiên cứu xây dựng bổ sung các quy định, quy trình vận hành các hệ thống hạ tầng kỹ thuật CNTT của tỉnh đảm bảo tính cập nhật liên tục theo các khuyến cáo về an toàn, an ninh thông tin; thường xuyên giám sát nguy cơ phát hiện, cảnh báo sớm nguy cơ bị tấn công các hệ thống.

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức có chuyên môn cao về an toàn, an ninh thông tin; bồi dưỡng, kiện toàn Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh.

- Xây dựng cơ chế hợp tác với các trường đại học, các doanh nghiệp trong nghiên cứu và triển khai thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đối với các hệ thống thông tin hiện có của tỉnh.

1.6. Hợp tác, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số

- Các sở, ngành, địa phương chủ động hợp tác trong việc tham gia quản lý các tài nguyên chung trong môi trường số và trên không gian mạng.

- Lựa chọn ưu tiên nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi có thể đi tắt đón đầu cũng như có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain). Ưu đãi, hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển và khuyến khích các doanh nghiệp truyền thống đi đầu trong việc ứng dụng các công nghệ này vào hoạt động sản xuất, thương mại.

1.7. Phát triển nguồn nhân lực

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao sẵn sàng tham gia vào quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức đào tạo các chuyên gia của tỉnh về kỹ năng phân tích dữ liệu, làm chủ công nghệ dữ liệu lớn, dữ liệu mở.

- Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong và ngoài nước, đẩy mạnh hợp tác với Trường Đại học Quy Nhơn, Phân hiệu Đại học FPT tại Bình Định để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ CNTT hiện có, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu để trở thành các chuyên gia nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số.

2. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển Chính quyền số

2.1. Phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Phát triển, hoàn thiện hệ thống Cổng Dịch vụ công của tỉnh kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin một cửa điện tử của các ngành, địa phương để cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; đưa toàn bộ các dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 3, 4.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ.

2.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống văn phòng điện tử bảo đảm kết nối, liên thông trao đổi văn bản điện tử qua tất cả các cấp chính quyền của tỉnh, kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia và các nguồn văn bản hành chính của các cơ quan nhà nước.

- Xây dựng, hoàn thiện phần mềm ứng dụng tại cơ quan, đơn vị thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong nội bộ và với các đơn vị khác để nâng cao hiệu quả, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; đảm bảo liên kết, chia sẻ, kết nối với Hệ thống thông tin Một cửa điện tử và Cổng dịch vụ công tỉnh.

- Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và ra quyết định dựa trên số liệu theo thời gian thực.

- Triển khai nhân rộng, phát triển các dịch vụ của đô thị thông minh gắn với chính quyền điện tử.

- Xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước.

- Tiếp tục hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP).

2.3. Số hóa và sử dụng dữ liệu hiệu quả trong hoạt động của chính quyền

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp.

- Thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

3. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số

3.1. Thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp

- Phổ biến kiến thức về chuyển đổi sang kinh tế số: Xây dựng Kế hoạch phổ biến kiến thức chung về xây dựng lộ trình và thực hiện chuyển đổi sang kinh tế số, giới thiệu và chia sẻ các bài học thành công và thất bại của doanh nghiệp khi chuyển đổi qua kinh tế số ở trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

- Phối hợp triển khai Đề án hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi số sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp ngành Công Thương sau khi Bộ Công Thương ban hành.

- Hỗ trợ phát triển thương mại điện tử của tỉnh: Tập trung tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại điện tử, đặc biệt là những doanh nghiệp thương mại điện tử lớn để tạo sức lan tỏa trong cộng đồng doanh nghiệp.

3.2. Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

Tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về các công nghệ số, các loại mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

4. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển xã hội số

4.1. Hàng năm cử đào tạo, bổ sung cử nhân, kỹ sư chuyên ngành công nghệ thông tin. Điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo và dạy nghề gắn với công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn (Big Data),

điện toán đám mây (Cloud Computing), Internet vạn vật (IoT), thực tế ảo/ thực tế tăng cường (VR/AR), chuỗi khối (Blockchain), in ba chiều (3D Printing).

4.2. Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp (giáo dục STEM/STEAM/STEAME), đào tạo tiếng Anh và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin tại các cấp học. Thực hiện đào tạo, tập huấn hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số.

4.3. Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; ban hành các quy tắc ứng xử trên môi trường số cho doanh nghiệp và người dân; giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực bởi công nghệ số.

5. Chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực cần ưu tiên

5.1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế

- Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và hệ thống thông tin của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh để hoạt động trên môi trường số với bệnh án điện tử. Các bệnh viện hạng I hoàn thành hệ thống bệnh án điện tử vào năm 2023, tiến tới hoàn thành bệnh án điện tử trên toàn bộ hệ thống y tế tỉnh vào năm 2028.

- Xây dựng hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh thông minh: Xây dựng và triển khai hệ thống hồ sơ sức khỏe cá nhân theo mẫu hồ sơ sức khỏe cá nhân do Bộ Y tế ban hành, đảm bảo 100% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử vào năm 2025.

- Xây dựng triển khai phần mềm quản lý hoạt động các trạm y tế trên toàn tỉnh, có kết nối với các bệnh viện của tỉnh để làm cơ sở cho khám chữa bệnh từ xa. Mục tiêu đến năm 2025, có ít nhất 20% cơ sở khám chữa bệnh tại tỉnh có dịch vụ chăm sóc, khám chữa bệnh từ xa.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ thông minh trong y tế; ưu tiên bố trí ngân sách cho các đề tài nghiên cứu y tế thông minh. Thử nghiệm triển khai sáng kiến “Mỗi người dân có một bác sĩ riêng” với mục tiêu mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khỏe cá nhân, hình thành hệ thống chăm sóc y tế số hoàn chỉnh từ khâu chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng đến điều trị.

5.2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

- Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin cho ngành giáo dục theo hướng hiện đại. Mục tiêu cho đến năm 2025 là 100% trường học được kết nối đường truyền internet băng thông rộng; 100% học sinh, sinh viên các cấp trên địa bàn tỉnh được tiếp cận Internet.

- Xây dựng hệ thống học trực tuyến tại các trường đại học, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình.

- Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học. Đến năm 2025, 100% các trường học, cơ sở giáo dục có trang thông tin điện tử, cung cấp những thông tin về cơ sở vật chất, chương trình học, đội ngũ giáo viên, giảng viên.

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý giáo dục của tỉnh, bao gồm: cơ sở dữ liệu giáo dục kết nối, liên thông với hệ thống thông tin của các trường trong tỉnh. Đến năm 2025, 100% trường học, cơ sở giáo dục ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý (từ quản lý học sinh, sinh viên, giáo viên, cán bộ đến quá trình học tập, thời khóa biểu).

5.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng

- Chuyển đổi số trong các ngân hàng thương mại để cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng phát triển đa dạng các kênh phân phối, đổi mới sáng tạo, tự động hóa quy trình, thúc đẩy hợp tác với các công ty công nghệ tài chính (Fintech) và trung gian thanh toán trong việc xây dựng hệ sinh thái dịch vụ tài chính ngân hàng để thúc đẩy phổ cập tài chính quốc gia.

- Đưa dịch vụ tài chính - ngân hàng đến gần hơn những đối tượng vùng sâu, vùng xa chưa có khả năng tiếp cận hoặc chưa được ngân hàng phục vụ dựa vào sự đổi mới sáng tạo của công nghệ như thanh toán di động, cho vay ngang hàng.

- Hỗ trợ khả năng tiếp cận vốn vay nhờ các giải pháp chấm điểm tín dụng với kho dữ liệu khách hàng và mô hình chấm điểm đáng tin cậy.

5.4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp

- Phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, chú trọng nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

- Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn của ngành như quản lý bảo vệ rừng, cây trồng, vật nuôi, thủy sản.

- Thúc đẩy cung cấp thông tin về thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số.

- Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa một số quy trình sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương.

- Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác quản lý để có các chính sách, điều hành kịp thời phát triển nông nghiệp như dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch.

5.5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải

Chuyển đổi việc quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện kinh doanh vận tải, quản lý người điều khiển phương tiện, cho phép quản lý kết cấu

hạ tầng giao thông số, đăng ký và quản lý phương tiện qua hồ sơ số, cấp và quản lý giấy phép người điều khiển phương tiện số:

- 100% ứng dụng công nghệ thông tin đối với nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật giao thông, gồm: cầu, đường bộ, bãi đậu xe, chiếu sáng công cộng địa bàn tỉnh.

- 100% ứng dụng công nghệ thông tin đối với nhiệm vụ quản lý nhà nước về hệ thống giao thông đường thủy, hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật các công trình giao thông thủy (cầu cảng, cầu phao, bến cảng, bến sông, hệ thống phao tiêu, biển báo giao thông thủy) và phương tiện vận tải đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

- 100% ứng dụng công nghệ thông tin đối với nhiệm vụ quản lý công tác đào tạo sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe ô tô, mô tô.

- 100% ứng dụng công nghệ thông tin đối với nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các hình thức giao thông công cộng như xe buýt, taxi ...

5.6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng, trong đó ưu tiên tập trung cho ngành điện lực hướng đến tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả.

- Thực hiện kết nối và yêu cầu đơn vị điện lực địa phương thực hiện kết nối các đồng hồ đo điện số để cải thiện tốc độ và sự chính xác của hóa đơn, xác định sự cố về mạng lưới nhanh hơn, hỗ trợ người dùng các tiết kiệm năng lượng và phát hiện ra các tổn thất, mất mát điện năng.

5.7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường

Phối hợp, xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn toàn diện nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường, cụ thể như: Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia; các cơ sở dữ liệu về lĩnh vực khác (nền địa lý quốc gia; quan trắc tài nguyên và môi trường; đa dạng sinh học; nguồn thải; viễn thám; biến đổi khí hậu; khí tượng - thủy văn; địa chất - khoáng sản...); triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.

5.8. Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch

Xây dựng các giải pháp hỗ trợ cho khách du lịch khi đến tham quan, nghỉ dưỡng tại Bình Định:

- Khuyến khích các điểm du lịch cung cấp các dịch vụ Internet không dây (kết nối Wifi) miễn phí cho tất cả khách du lịch.

- Nội dung về điểm đến, sản phẩm, dịch vụ du lịch sẽ được chuẩn hóa nhằm cung cấp những thông tin tốt nhất đến với khách du lịch.

- Xây dựng các phần mềm ứng dụng hỗ trợ khách du lịch tra cứu và tìm kiếm thông tin về các điểm đến du lịch, các cơ sở lưu trú, khu giải trí và các điểm ăn uống, mua sắm... trên địa bàn tỉnh.

- Công tác quản lý: các cơ sở lưu trú du lịch đạt chuẩn; khu, điểm du lịch; các loại hình dịch vụ du lịch khác đạt chuẩn; công ty lữ hành, đại lý lữ hành; hướng dẫn viên được điện tử hóa, số hóa.

5.9. Chuyển đổi số trong lĩnh vực thông tin, báo chí

- Chuyển đổi số trong hoạt động thông tin cơ sở, trọng tâm là chuyển đổi truyền thanh có dây/không dây FM sang truyền thanh không dây sử dụng hạ tầng viễn thông, Internet, với mục tiêu đến năm 2025 đạt 50% và đến năm 2030 đạt 100% các huyện, thị xã, thành phố đầu tư mới hoặc đầu tư thay thế ít nhất các đài truyền thanh có dây/không dây FM sang truyền thanh ứng dụng CNTT - Viễn thông.

- Xây dựng các ứng dụng, phần mềm hỗ trợ quản lý hoạt động Đài truyền thanh; ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và các công nghệ mới khác nhằm cung cấp các thông tin thiết yếu đến nhân dân.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm cho các sở, ngành, địa phương; kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác của các đơn vị thuộc đối tượng tham gia.

- Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác; sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ngành thuộc UBND tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4 Mục III kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ được giao; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 01/12 hàng năm.

- Căn cứ tình hình cụ thể của từng sở, ngành, địa phương để xây dựng kế hoạch lồng ghép nội dung về chuyển đổi số trong hoạt động của sở, ngành, địa phương, gắn kết với ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính phủ số, chính quyền số, phát triển dịch vụ đô thị thông minh.

2. Văn phòng UBND tỉnh

Chủ trì tổ chức thực hiện triển khai nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại điểm 2.1 khoản 2 Mục III Kế hoạch.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì tổ chức thực hiện triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại điểm 1.3, 1.4 và 1.5 khoản 1 Mục III; điểm 2.2, 2.3 khoản 2 Mục III; điểm 4.3 khoản 4 Mục III; điểm 5.9 khoản 5 Mục III Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp việc triển khai thực hiện kế hoạch, định kỳ báo cáo và kiến nghị UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ xây dựng, lồng ghép tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào các bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI Index), bộ chỉ số cải cách hành chính tỉnh và bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bình Định

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại điểm 5.3 khoản 5 Mục III Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Bám sát chủ trương của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tham mưu thực hiện cơ chế, chính sách để các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh được tiếp cận tín dụng một cách thuận lợi.

- Thường xuyên theo dõi, chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi (chương trình cho vay kích cầu đầu tư, cho vay với lãi suất ưu đãi) cho các doanh nghiệp công nghệ số nhằm hỗ trợ các sản phẩm chuyển đổi số chủ lực và doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số.

- Chỉ đạo các Ngân hàng thương mại tổ chức Hội nghị kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp chuyển đổi số và hàng năm xây dựng báo cáo kết quả thực hiện.

- Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các sở, ngành, địa phương trong việc triển khai các chương trình, chính sách tín dụng để thúc đẩy chuyển đổi số.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư phát triển theo quy định của Luật Đầu tư công để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ nước ngoài và các đối tác quốc tế cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển giao công nghệ.

6. Sở Tài chính

Tham mưu UBND tỉnh ưu tiên bố trí kinh phí thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại điểm 1.6 khoản 1 Mục III Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Ưu tiên phân bổ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho chuyên đội số, chú trọng các nhiệm vụ có kinh phí đối ứng của doanh nghiệp.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì tổ chức thực hiện triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại điểm 4.1, 4.2 khoản 4 Mục III; điểm 5.2, khoản 5 Mục III Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo và dạy nghề gắn với công nghệ số.

9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì tổ chức thực hiện triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại điểm 5.2 khoản 5 mục III Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng các chương trình đào tạo bổ sung, đào tạo kỹ năng lao động mới cho người lao động.

- Nghiên cứu, đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội; nghiên cứu các giải pháp thúc đẩy hình thành các trung tâm hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng tác động bởi công nghệ số theo hướng xã hội hóa.

10. Sở Y tế

Chủ trì tổ chức thực hiện triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại điểm 5.1 khoản 5 Mục III Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

11. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì tổ chức thực hiện triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại điểm 5.4 khoản 5 Mục III Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

12. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì tổ chức thực hiện triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại điểm 5.5 khoản 5 Mục III Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

13. Sở Công Thương

Chủ trì tổ chức thực hiện triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại khoản 3 Mục III; điểm 5.6 khoản 5 mục III Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

14. Sở Tài Nguyên và Môi trường

Chủ trì tổ chức thực hiện triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại điểm 5.7 khoản 5 Mục III Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

15. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai nhiệm vụ lồng ghép tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào bộ chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

16. Sở Du lịch

Chủ trì tổ chức thực hiện triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại điểm 5.8 khoản 5 Mục III Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

17. Các doanh nghiệp viễn thông

- Tham gia thực hiện kế hoạch chuyển đổi số với vai trò là nòng cốt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trong Kế hoạch này.

- Chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ lõi, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

18. Trách nhiệm của cộng đồng

Cộng đồng dân cư, tổ dân phố, hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân chủ động, tích cực nâng cao các kỹ năng ứng dụng công nghệ số, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

(Chi tiết theo Phụ lục I, II đính kèm)

Trên đây là nội dung kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 26/11/2020 của UBND tỉnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động đề xuất gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Các DN viễn thông;
- CVP, PVP VX;
- Lưu: VT, K9.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

PHỤ LỤC I
PHÂN CÔNG THEO DỐI, ĐƠN ĐỐC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU

STT	NỘI DUNG MỤC TIÊU CỤ THỂ	CHỦ TRÌ ĐƠN ĐỐC	PHỐI HỢP ĐƠN ĐỐC	CƠ QUAN THỰC HIỆN
I	ĐẾN NĂM 2025			
1	Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động			
1.1	100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động. Nghiên cứu cung cấp các dịch vụ mới có tính sáng tạo dựa trên dữ liệu.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở TT&TT; Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; Địa phương (UBND cấp huyện, cấp xã)
1.2	90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	Sở Nội vụ	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành; địa phương
1.3	100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; được tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống dùng chung của tỉnh và liên thông với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành; địa phương
1.4	Trên 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin	Thanh tra tỉnh	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành;

	của cơ quan quản lý.			Địa phương;
1.5	Mỗi đơn vị cấp huyện xây dựng ít nhất 20% đơn vị hành chính cấp xã chuyên đổi số.	Sở TT&TT		UBND cấp huyện; UBND cấp xã
1.6	Xây dựng 3 đô thị thông minh, gồm: thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn.	Sở TT&TT		UBND TP, TX: Quy Nhơn, An Nhơn, Hoài Nhơn
2	Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế			
2.1	- Phần đầu kinh tế số chiếm 10% GRDP; tối thiểu 50% sản phẩm hàng hóa và dịch vụ được chứng nhận thương hiệu có mặt trên các sàn thương mại điện tử; 50% các doanh nghiệp nhỏ và vừa (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh) thực hiện chuyển đổi số. Hình thành 100 doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. - Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Công Thương, Sở TT&TT, Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; Địa phương; Doanh nghiệp
2.2	Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%.	Sở LĐ-TB&XH	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; Địa phương; Doanh nghiệp
2.3	Hình thành Khu Công viên phần mềm Quang Trung – Bình Định và tham gia vào Chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung trong năm 2022.	Sở TT&TT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; Doanh nghiệp CNTT

2.4	Thu hút khoảng 2.000 chuyên gia, lao động làm việc tại Công viên phần mềm Quang Trung – Bình Định và Trung tâm trí tuệ nhân tạo – Đô thị phụ trợ Long Vân.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở TT&TT, Sở Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp CNTT
3	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số			
3.1	- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã. - Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G và điện thoại thông minh, từng bước phát triển mạng 5G (ưu tiên phủ sóng tại các khu, cụm công nghiệp, khu vực trung tâm huyện thị xã, thành phố, khu du lịch, bệnh viện, trường học).	Sở TT&TT		Doanh nghiệp viễn thông
3.2	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%.	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Bình Định	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành; Địa phương; Doanh nghiệp
3.3	100% đoàn viên, thanh niên gương mẫu sử dụng các dịch vụ xã hội số (y tế, giáo dục, an sinh xã hội, thanh toán điện tử, phản ánh hiện trường...); tích cực tham gia tuyên truyền, hỗ trợ, đảm bảo tối thiểu 50% người dân được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chính quyền số, xã hội số, tham gia phát triển kinh tế số. Vận động đoàn viên, thanh niên tham gia các phong trào thi đua phát huy sáng kiến chuyển đổi số cấp cơ sở.	Tỉnh đoàn Bình Định	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành; Địa phương; Doanh nghiệp
II	ĐẾN NĂM 2030			
1	Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động			
1.1	100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp	Sở TT&TT	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành;

	huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).			Địa phương;
1.2	Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.	Sở TT&TT	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; Địa phương; Doanh nghiệp
1.3	Trên 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.	Thanh tra tỉnh	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành; Địa phương
1.4	Mỗi đơn vị cấp huyện xây dựng ít nhất 40% đơn vị hành chính cấp xã chuyển đổi số.	Sở TT&TT		UBND cấp huyện; UBND cấp xã
2	Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế			
2.1	- Kinh tế số chiếm 15% đến 20% GRDP; tối thiểu 80% sản phẩm hàng hóa và dịch vụ được chứng nhận thương hiệu có mặt trên các sàn thương mại điện tử; tối thiểu 80% các doanh nghiệp nhỏ và vừa (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh) thực hiện chuyển đổi số. Hình thành 300 doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. - Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Công Thương, Sở TT&TT, Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; Địa phương; Doanh nghiệp
2.2	Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%.	Sở LĐ-TB&XH	Sở Kế hoạch và Đầu tư,	Các sở, ban, ngành; Địa phương;

			Cục Thống kê	Doanh nghiệp
3	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số			
3.1	Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang; Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G	Sở TT&TT		Doanh nghiệp viễn thông
3.2	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.		Ngân hàng nhà nước chi nhánh Bình Định	Các sở, ban, ngành; Địa phương; Doanh nghiệp

PHỤ LỤC II

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2022-2025

STT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP	THỜI GIAN THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	GHI CHÚ
I	PHÁT TRIỂN TẠO NỀN MÓNG CHO CHUYỂN ĐỔI SỐ				
1	Nhóm nhiệm vụ chuyển đổi nhận thức				
1.1	- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kỹ năng số trong cơ quan nhà nước; - Đào tạo kỹ năng lãnh đạo số cho các cấp lãnh đạo trong cơ quan nhà nước; - Đào tạo chuyên sâu cho cán bộ kỹ thuật CNTT về an toàn thông tin.	2022-2025	Sở TT&TT		
1.2	Xây dựng chuyên mục chuyển đổi số của tỉnh trên Cổng thông tin điện tử tỉnh	2022-2025	Văn phòng UBND tỉnh	Sở TT&TT	
2	Kiến tạo thể chế				
2.1	Tham mưu các cơ chế, chính sách mới về giáo dục nghề nghiệp	2022-2025	Sở Lao động – TB&XH		
2.2	Ban hành các quy định, quy chế quản lý và sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh	2022-2025	Sở TT&TT		

3	Phát triển hạ tầng số				
3.1	Xây dựng, nâng cấp, mở rộng Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II	2022-2025	Sở TT&TT; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	DN Viễn thông	100% các CQNN từ tỉnh đến xã được kết nối vào hệ thống mạng TSLCD để khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung
3.2	Phủ sóng mạng 4G toàn tỉnh phục vụ phát triển xã hội số và dịch vụ đô thị thông minh	2022-2025	Sở TT&TT		
3.3	Phát triển hạ tầng IoT phục vụ chuyển đổi số và đô thị thông minh	2022-2025	Sở TT&TT		
3.4	Chuyển đổi địa chỉ IP trên mạng lưới, hạ tầng CNTT của cơ quan nhà nước qua giao thức thế hệ mới IPv6	2022-2022	Sở TT&TT; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	DN viễn thông	
4	Phát triển nền tảng số				
	Phát triển, nâng cấp Nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp tỉnh (LGSP)	2022-2023	Sở TT&TT		LGSP của tỉnh đảm bảo kết nối với Nền tảng tích hợp,

					chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP)
II	PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ				
1	Đầu tư, nâng cấp hệ thống trang thiết bị CNTT; phần mềm bản quyền trung tâm tích hợp dữ liệu (Data Center)	2022-2025	Sở TT&TT	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Đầu tư theo hướng thuê dịch vụ
2	Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng CNTT tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đảm bảo triển khai các hệ thống thông tin và dịch vụ công trực tuyến.	2022-2025	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố.		
3	Xây dựng Kho dữ liệu số dùng chung tỉnh Bình Định	2022-2025	Sở TT&TT	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.	
4	Số hóa dữ liệu chuyên ngành	2022-2025	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.		
5	Triển khai mạng lưới phát thanh thông minh	2022-2025	Sở TT&TT		

6	Nâng cấp, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Cổng dịch vụ công trực tuyến, hệ thống phần mềm một cửa điện tử tỉnh Bình Định với Cổng dịch vụ công quốc gia, các CSDL quốc gia, chuyên ngành	2022-2025	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Đảm bảo cung cấp 100% DVC TT mức độ 4 vào năm 2025
7	Xây dựng, nâng cấp, phát triển hạ tầng và dịch vụ Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh IOC (Intelligent Operation Center)	2022-2025	Sở TT&TT; UBND TP.Quy Nhơn; UBND TX.An Nhơn; UBND TX.Hoài Nhơn		Bảo đảm hình thành 3 đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh đến năm 2025
8	Xây dựng Hệ thống ứng dụng CNTT đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030	2022-2025	Sở Nội vụ	Sở TT&TT	Theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ
9	Xây dựng Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tại Lưu trữ cơ quan.	2022-2023	Sở Nội vụ	Sở TT&TT	Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 458/QĐ-TTg
10	Xây dựng Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tại Lưu trữ lịch sử tỉnh.	2023-2024	Sở Nội vụ	Sở TT&TT	

					ngày 03/4/2020 của TTgCP phê duyệt Đề án “Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020 – 2025”.
III	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ				
1	Phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Bình Định	2022-2025	Sở Công Thương	Sở NN&PTNT; Sở TT&TT; Các doanh nghiệp BCVT	
2	Phát triển hệ thống cáp quang đến 100% cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh	2022-2025	Sở TT&TT	Doanh nghiệp viễn thông	
3	Triển khai các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	2022-2025	Sở Công Thương	Sở KH&ĐT; Sở TT&TT	
4	Triển khai chương trình khởi nghiệp sáng tạo thúc đẩy phát triển kinh tế số	2022-2025	Sở KH&CN	Sở TT&TT	
5	Phát triển hạ tầng thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh	2022-2025	Chi nhánh NHNN tỉnh Bình Định		
6	Phổ cập điện thoại thông minh và cáp quang băng rộng	2022-2025	Sở TT&TT	Các doanh	

				ngiệp viên thông, UBND các huyện, thị xã, thành phố.	
7	Phổ cập hồ sơ sức khoẻ điện tử toàn dân	2022-2025	Sở Y tế	UBND các huyện, thị xã, thành phố.	
8	Phổ cập sử dụng nền tảng dạy học trực tuyến	2022-2025	Sở GD&ĐT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp viễn thông	
9	Phổ cập hoá đơn điện tử	2022-2025	Cục Thuế tỉnh	Sở KH&ĐT; Sở Tài chính; Sở TT&TT	
IV	CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG MỘT SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC				
1	Xây dựng và triển khai hệ thống hồ sơ sức khoẻ cá nhân theo mẫu hồ sơ sức khoẻ cá nhân do Bộ Y tế ban hành	2022-2025	Sở Y tế		
2	Xây dựng và triển khai phần mềm, phần cứng quản lý hoạt động các Trạm y tế trên toàn tỉnh, có kết nối với các bệnh viện của tỉnh để làm cơ sở cho khám chữa bệnh từ xa	2022-2025	Sở Y tế		

3	Xây dựng phần mềm, phần cứng, trang thiết bị liên quan để triển khai hệ thống PACS, bệnh án điện tử, AI tại tất cả các Bệnh viện, Trung tâm y tế, Trạm y tế trên địa bàn tỉnh	2022-2025	Sở Y tế		
4	Xây dựng và triển khai phần mềm, phần cứng trung tâm dữ liệu ngành Y tế	2022-2025	Sở Y tế		
5	Đầu tư tăng cường đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong ngành giáo dục	2022-2025	Sở GD&ĐT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp viễn thông	
6	Triển khai hệ thống thông tin quản lý giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT đến Bộ GD&ĐT.	2022-2025	Sở GD&ĐT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp viễn thông	
7	Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu ngành giáo dục kết nối với trực tích hợp, liên thông dữ liệu quốc gia; triển khai quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục; triển khai ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt.	2022-2025	Sở GD&ĐT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp viễn thông	

8	Ứng dụng CNTT vào hoạt động của các trung tâm logistics	2022-2025	Sở Công Thương		
9	Hệ thống quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện kinh doanh vận tải, quản lý người điều khiển phương tiện; cho phép quản lý kết cấu hạ tầng giao thông số, đăng ký và quản lý phương tiện qua hồ sơ số, cấp và quản lý giấy phép người điều khiển phương tiện số	2022-2025	Sở GTVT		
10	Xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn toàn diện nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường: Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia; các cơ sở dữ liệu về lĩnh vực khác (nền địa lý quốc gia; quan trắc tài nguyên và môi trường; đa dạng sinh học; nguồn thải; viễn thám; biến đổi khí hậu; khí tượng - thủy văn; địa chất - khoáng sản...)	2022-2025	Sở TN&MT		
11	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành xây dựng: Hệ thống thông tin quản lý quy hoạch và phát triển đô thị; Quản lý và vận hành hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Bình Định	2022-2025	Sở Xây dựng		
12	Xây dựng hệ thống dữ liệu ngành nông nghiệp: Quản lý bảo vệ rừng, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai.	2022-2025	Sở NN &PTNT		
13	Xây dựng phần mềm hỗ trợ quản lý hoạt động Đài truyền thanh cơ sở; ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.	2022-2025	Sở TT&TT		

14	Nâng cấp Phần mềm quản lý lưu trú trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Định.	2023-2025	Sở TT&TT		
15	Xây dựng Cổng thông tin du lịch và Ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động để hỗ trợ khách du lịch tra cứu và tìm kiếm thông tin về các điểm đến du lịch, các cơ sở lưu trú, khu giải trí và các điểm ăn uống, mua sắm... trên địa bàn tỉnh; Xây dựng kho dữ liệu 3D, 360 ⁰ của ngành Du lịch.	2022-2025	Sở Du lịch		